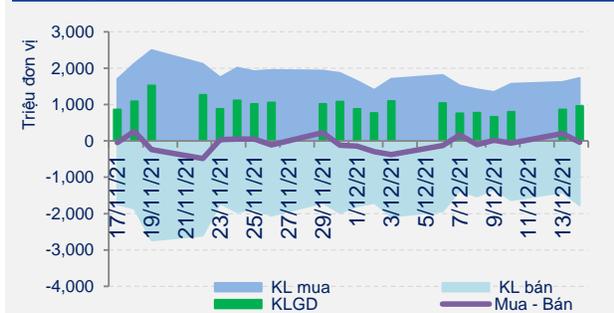


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 14/12/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,476.02	454.68
% Thay đổi	↓ -0.01%	↓ -0.63%
KLGD (CP)	963,606,610	115,558,473
GTGD (tỷ đồng)	27,625.27	3,199.23
Tổng cung (CP)	1,775,713,800	174,425,600
Tổng cầu (CP)	1,736,710,500	148,757,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	50,659,525	380,861
KL mua (CP)	24,448,100	627,235
GT mua (tỷ đồng)	1,196.84	41.98
GT bán (tỷ đồng)	2,076.49	17.34
GT ròng (tỷ đồng)	(879.65)	24.64

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.51%	23.9	3.8	1.2%
Công nghiệp	↓ -0.16%	24.2	3.1	14.4%
Dầu khí	↑ 0.72%	18.7	2.0	1.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.06%	-	11.1	3.9%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.56%	17.7	3.0	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.43%	23.3	4.1	13.1%
Ngân hàng	↓ -0.47%	11.8	2.3	9.6%
Nguyên vật liệu	↑ 1.07%	11.4	2.7	17.8%
Tài chính	↓ -0.05%	21.5	3.7	35.3%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.43%	16.3	2.6	2.9%
VN - Index	↓ -0.01%	17.5	3.3	
HNX - Index	↓ -0.63%	25.1	5.1	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm rất nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản tiếp tục dưới mức trung bình. Cụ thể, VN-Index giảm 0,19 điểm (-0,01%) xuống 1.476,02 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 214 mã tăng, 44 mã tham chiếu, 267 mã giảm. HNX-Index giảm 2,88 điểm (-0,63%) xuống 454,68 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tiêu cực với 107 mã tăng, 51 mã tham chiếu, 156 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.024 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 28.220 tỷ đồng. Thị trường tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay nhưng áp lực bán gia tăng về cuối phiên khiến các chỉ số kết phiên trong sắc đỏ. Nhóm cổ phiếu thép là tâm điểm trong phiên hôm nay khi thu hút dòng tiền trở lại và kết phiên tăng mạnh, có thể kể đến như HPG (+2,5%), NKG (+7%), HSG (+7%), TLH (+4,7%)... Trong khi đó, nhóm cổ phiếu ngân hàng không thu hút được dòng tiền và phần lớn các cổ phiếu đều kết phiên trong sắc đỏ như VPB (-1,1%), STB (-1,9%), SHB (-1,8%), CTG (-0,9%), MBB (-0,5%), HDB (-1,5%)... tạo áp lực điều chỉnh lên thị trường chung. Bên cạnh đó, các Bluechips thuộc nhóm VN30 như PDR (-5,9%), PNJ (-2,3%), KDH (-2,2%), VJC (-1,4%), SSI (-1,3%), BVH (-1,2%)... cũng đồng loạt điều chỉnh. Cổ phiếu chứng khoán cũng bị bán và giảm giá, có thể kể đến SHS (-1,2%), VCI (-1%), SBS (-0,6%), MBS (-0,5%), ART (-1,4%), TVC (-1,9%), AGR (-1,2%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-Index (-0,01%) giảm rất nhẹ sau khi test thành công vùng hỗ trợ gần nhất 1.465-1.470 điểm (MA20) rồi hồi phục từ đây để thu hẹp đáng kể mức giảm. Thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy bên mua và bên bán đã có sự giằng co ở vùng giá hiện tại. Trên góc nhìn kỹ thuật, xu hướng tăng ngắn hạn của VN-Index vẫn được duy trì. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 15/12, VN-Index có thể sẽ tăng điểm trở lại với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm, hỗ trợ gần nhất của chỉ số là là vùng 1.465-1.470 điểm (MA20) và xa hơn là ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm. Nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải đã tham gia bắt đáy trong phiên 6/12 có thể canh những nhịp tăng điểm hướng tới ngưỡng 1.500 điểm (nếu có) trong tuần này để chốt lời một phần danh mục.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 14/12/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 1.485,14 điểm. Về chiều, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số điều chỉnh xuống dưới tham chiếu, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.469,21 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 0,19 điểm (-0,01%) xuống 1.476,02 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: CTG giảm 300 đồng, PDR giảm 5.800 đồng, VIC giảm 700 đồng. Ở chiều ngược lại, HPG tăng 1.150 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm vào đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 459,12 điểm. Nhưng sau đó, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số lùi xuống dưới ngưỡng tham chiếu, với mức thấp nhất trong phiên tại 452,33 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 2,88 điểm (-0,63%) xuống 454,68 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: IDJ giảm 3.100 đồng, APS giảm 3.800 đồng, TIG giảm 1.500 đồng. Ở chiều ngược lại, PVI tăng 3.600 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 879,29 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 24,3 triệu đơn vị. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 532,9 tỷ đồng tương ứng với 11,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VPB với 148,1 tỷ đồng tương ứng với 4,2 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VIC là mã được mua ròng nhiều nhất với 52,1 tỷ đồng tương ứng với 510 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 24,74 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 246 nghìn cổ phiếu. IDC là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 22,5 tỷ đồng tương ứng với 257 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là SHS với 4,6 tỷ đồng tương ứng với 89 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVI là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 1,6 tỷ đồng tương ứng với 31 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

ADB hạ dự báo tăng trưởng kinh tế châu Á

ADB hạ nhẹ dự báo tăng trưởng của khu vực châu Á đang phát triển xuống 7% trong năm nay và 5,3% cho năm sau.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm rất nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy là bên mua và bên bán đang có sự giằng co nhất định ở vùng giá hiện tại.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giảm rất nhẹ này thì chỉ số VN-Index tiếp tục kết phiên trên vùng kháng cự ngắn hạn trong khoảng 1.465-1.470 điểm (MA20). Điều này khiến cho xu hướng tăng của thị trường không có gì thay đổi và khả năng để thị trường tiến đến kháng cự tâm lý 1.500 điểm trong các phiên tiếp theo là có thể xảy ra.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 15/12, VN-Index có thể sẽ tăng điểm trở lại để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần test lại vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.465-1.470 điểm (MA20) và xa hơn là ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

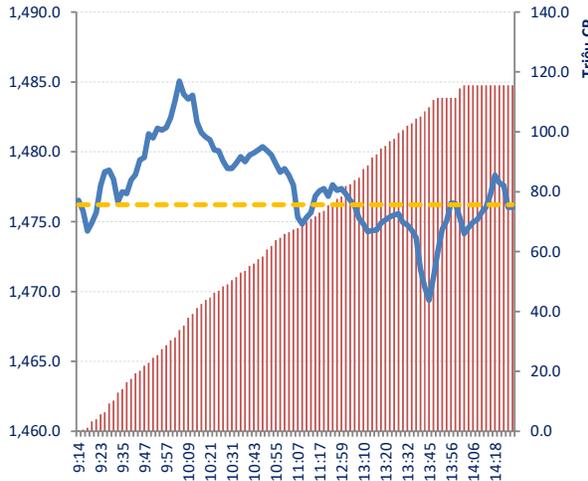
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 60,9 - 61,6 triệu đồng/lượng, tăng 200.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 100.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm 16 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 14/12 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.191 VND/USD, giảm 16 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

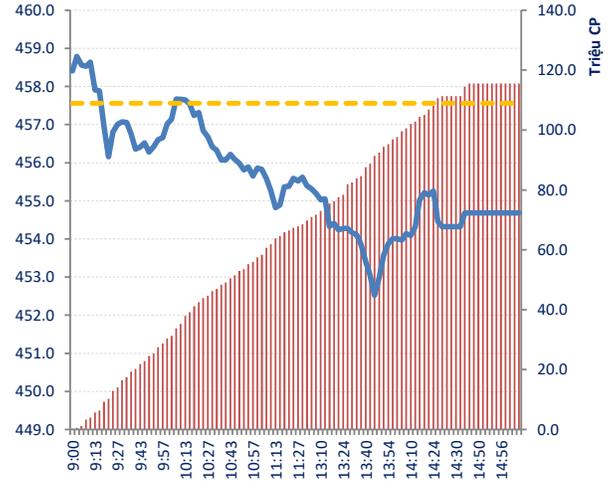
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 5,15 USD/ounce tương ứng với 0,29% xuống 1.783,05 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,008 điểm tương ứng 0,01% lên 96,280 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1297 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3216 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 113,67 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,18 USD/thùng tương ứng với 0,25% lên 71,41 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 13/12, Dow Jones giảm 320,04 điểm tương đương 0,89% xuống 35.650,95 điểm. Nasdaq giảm 217,32 điểm tương đương 1,39% xuống 15.413,28 điểm. Nasdaq Composite giảm 43,05 điểm tương đương 0,91% xuống 4.668,97 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

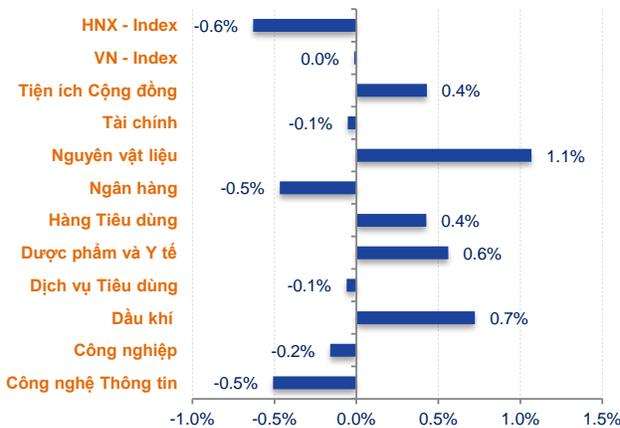
KLGD và VN-Index trong phiên



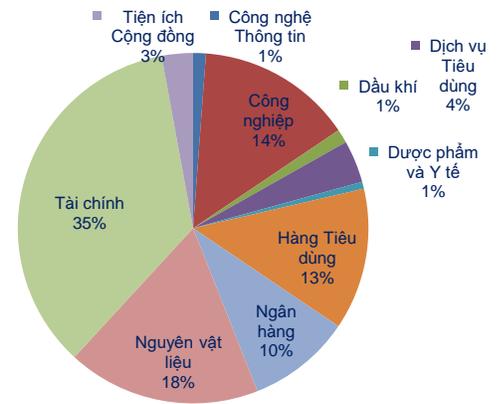
KLGD và HNX-Index trong phiên



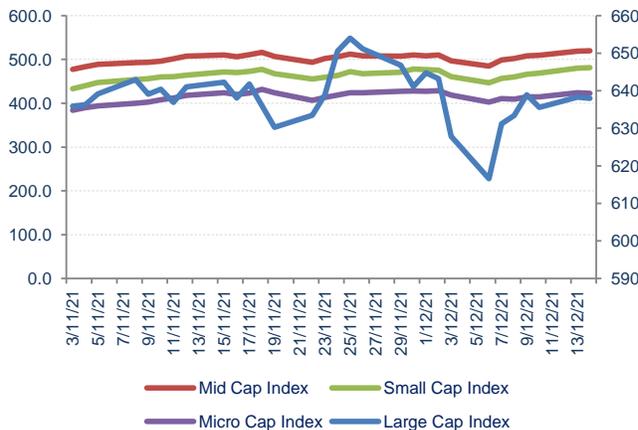
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



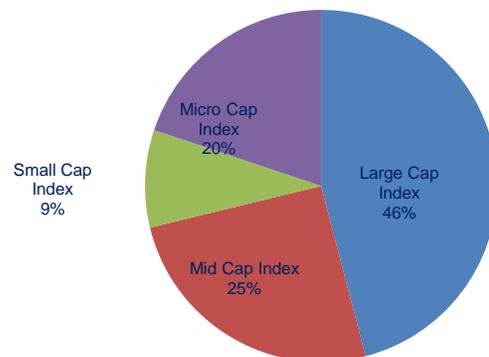
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ITA	1,546,900	HPG	11,088,800
2	VRE	1,067,400	VPB	4,200,000
3	KDH	539,200	GEX	2,650,900
4	VIC	509,800	HSG	1,239,100
5	VND	312,400	SSI	1,197,700

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	257,100	CTC	75,800
2	SHS	89,203	PVI	31,400
3	DS3	21,100	HLD	18,400
4	PVG	15,000	NDN	10,100
5	APS	14,200	DL1	9,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	11.25	12.00	↑ 6.67%	57,953,800
HQC	7.28	7.70	↑ 5.77%	50,180,200
HPG	46.55	47.70	↑ 2.47%	37,406,268
ROS	8.90	9.40	↑ 5.62%	33,591,000
ITA	16.30	17.40	↑ 6.75%	32,009,100

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	7.80	7.60	↓ -2.56%	10,345,009
APS	38.40	34.60	↓ -9.90%	6,711,745
SHS	52.00	51.40	↓ -1.15%	6,567,333
PVS	26.90	26.50	↓ -1.49%	4,466,776
LAS	24.50	26.30	↑ 7.35%	4,306,912

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NKG	37.90	40.55	2.65	↑ 6.99%
NBB	40.10	42.90	2.80	↑ 6.98%
BAF	35.80	38.30	2.50	↑ 6.98%
HSG	35.15	37.60	2.45	↑ 6.97%
PXS	9.07	9.70	0.63	↑ 6.95%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MED	34.40	37.90	3.50	↑ 10.17%
VC2	56.00	61.60	5.60	↑ 10.00%
QHD	40.10	44.10	4.00	↑ 9.98%
HTP	32.20	35.40	3.20	↑ 9.94%
SDA	34.30	37.70	3.40	↑ 9.91%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DPG	80.00	74.40	-5.60	↓ -7.00%
PTL	15.95	14.85	-1.10	↓ -6.90%
TGG	27.30	25.50	-1.80	↓ -6.59%
HT1	25.50	23.90	-1.60	↓ -6.27%
PDR	98.30	92.50	-5.80	↓ -5.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HGM	45.00	40.50	-4.50	↓ -10.00%
VNT	79.00	71.10	-7.90	↓ -10.00%
APS	38.40	34.60	-3.80	↓ -9.90%
CAN	63.90	57.60	-6.30	↓ -9.86%
LCD	20.30	18.30	-2.00	↓ -9.85%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	701.67	44.7%	7,085	6.6	2.5
VPB	173.34	21.2%	2,772	12.8	2.5
MSN	127.02	8.4%	2,032	76.8	5.7
GEX	93.20	8.6%	1,754	23.0	1.7
SSI	64.41	16.5%	2,044	26.1	3.9

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-103.23	38.3%	8,968	9.2	3.0
APH	-77.22	1.6%	445	81.7	1.1
VIC	-44.44	2.9%	1,111	92.9	2.4
KBC	-36.96	6.0%	1,530	36.3	2.1
ACB	-35.90	24.9%	3,599	9.3	2.1

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	24.66	44.7%	7,085	6.6	2.5
CTG	3.93	18.1%	3,439	9.7	1.7
TMS	3.25	18.0%	5,178	16.4	3.1
MWG	2.89	24.6%	6,071	22.2	5.1
VPG	2.77	60.1%	9,756	7.6	3.7

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-2.64	19.6%	2,253	35.7	4.1
TCH	-2.45	5.6%	1,219	19.3	1.2
HNG	-1.63	0.7%	51	213.9	1.5
TVB	-1.35	27.6%	2,648	9.7	2.2
HAG	-1.25	-18.4%	(1,220)	-	2.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	91.67	38.3%	8,968	9.2	3.0
APH	84.56	1.6%	445	81.7	1.1
ROS	38.67	3.1%	324	27.4	0.8
ACB	35.90	24.9%	3,599	9.3	2.1
KBC	31.97	6.0%	1,530	36.3	2.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-168.51	44.7%	7,085	6.6	2.5
MSN	-148.82	8.4%	2,032	76.8	5.7
AGG	-36.47	17.7%	5,092	9.3	1.6
TCB	-31.39	21.3%	4,965	10.1	2.0
VPB	-25.22	21.2%	2,772	12.8	2.5

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	52.19	2.9%	1,111	92.9	2.4
VRE	32.24	7.2%	954	31.9	2.3
VND	27.96	19.6%	2,253	35.7	4.1
DGC	27.79	29.1%	7,717	23.2	6.0
KDH	27.09	13.4%	1,890	26.2	3.3

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-557.82	44.7%	7,085	6.6	2.5
VPB	-148.12	21.2%	2,772	12.8	2.5
GEX	-109.78	8.6%	1,754	23.0	1.7
SSI	-64.09	16.5%	2,044	26.1	3.9
HSG	-47.01	48.0%	8,817	4.0	1.6



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	57,953,800	-18.4%	(1,220)	-	2.1
HQC	50,180,200	3250.0%	9	823.6	0.8
HPG	37,406,268	44.7%	7,085	6.6	2.5
ROS	33,591,000	3.1%	324	27.4	0.8
ITA	32,009,100	1.5%	174	93.9	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	10,345,009	0.1%	6	1,283.5	0.7
APS	6,711,745	22.8%	1,693	22.7	3.2
SHS	6,567,333	25.5%	3,153	16.5	2.6
PVS	4,466,776	4.6%	1,238	21.7	1.0
LAS	4,306,912	5.5%	627	39.1	2.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NKG	↑ 7.0%	46.6%	9,140	4.1	1.6
NBB	↑ 7.0%	28.3%	6,275	6.4	2.1
BAF	↑ 7.0%	13.4%	2,128	16.8	2.3
HSG	↑ 7.0%	48.0%	8,817	4.0	1.6
PXS	↑ 6.9%	1.1%	63	143.6	1.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
MED	↑ 10.2%	10.2%	2,846	16.5	1.7
VC2	↑ 10.0%	12.0%	2,208	25.4	3.6
QHD	↑ 10.0%	14.9%	2,779	14.4	2.1
HTP	↑ 9.9%	3.1%	792	40.6	1.3
SDA	↑ 9.9%	3.3%	243	140.9	4.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	1,546,900	1.5%	174	93.9	1.4
VRE	1,067,400	7.2%	954	31.9	2.3
KDH	539,200	13.4%	1,890	26.2	3.3
VIC	509,800	2.9%	1,111	92.9	2.4
VND	312,400	19.6%	2,253	35.7	4.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	257,100	11.8%	1,805	50.2	5.8
SHS	89,203	25.5%	3,153	16.5	2.6
DS3	21,100	6.5%	703	13.4	0.9
PVG	15,000	4.3%	578	24.7	1.1
APS	14,200	22.8%	1,693	22.7	3.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	392,698	2.9%	1,111	92.9	2.4
VCB	369,404	20.4%	5,696	17.5	3.4
VHM	357,494	38.3%	8,968	9.2	3.0
HPG	208,215	44.7%	7,085	6.6	2.5
GAS	187,567	16.9%	4,384	22.4	3.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	88,655	25.2%	4,694	54.0	15.3
IDC	27,210	11.8%	1,805	50.2	5.8
KSF	21,690	8.8%	760	95.1	3.6
VCS	18,608	41.5%	11,163	10.4	3.9
BAB	17,021	8.6%	979	23.1	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	2.89	2.1%	292	76.7	1.6
BSI	2.76	8.9%	1,047	40.1	3.1
TLH	2.49	29.0%	4,798	4.5	1.2
CII	2.44	0.5%	177	169.2	0.9
LDG	2.33	1.0%	134	110.1	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDA	3.56	3.3%	243	140.9	4.6
APS	3.03	22.8%	1,693	22.7	3.2
L14	2.94	13.6%	1,987	132.6	16.0
V21	2.90	1.5%	141	84.5	1.3
L18	2.84	4.5%	683	77.5	3.8



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
